

Số: 252/YCBG-BVBT

Bình Thuận, ngày 18 tháng 02 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận.
 - Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư thiết bị y tế, số điện thoại: 0252.3.939.169.
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Đường Tôn Thất Bách, phường Phú Tài, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
 - Nhận qua email: vtytbvbt@gmail.com
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 19 tháng 02 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 28 tháng 02 năm 2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ 28 tháng 02 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy siêu âm tổng quát	Mô tả cụ thể tại trong Bảng mô tả đính kèm theo	01	Máy

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT.



Lê Huỳnh Phúc

BẢNG MÔ TẢ CÁC TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN

(Kèm theo Yêu cầu bảo giá số: 252/YCBG-BVBT ngày 18 / 02 / 2025

của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận)

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
I	YÊU CẦU CHUNG
1	Năm sản xuất: Năm 2025 trở về sau, mới 100%
2	Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE hoặc FDA
3	Nguồn cung cấp : 110/220V ±10%, 50/60Hz
4	Môi trường hoạt động:
	+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 20^{\circ}\text{C}$
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 60\%$
5	Xuất xứ máy chính: Thuộc một trong các nước thuộc nhóm nước G7 hoặc EU hoặc ASEAN
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH
	Máy siêu âm tổng quát kèm phụ kiện tiêu chuẩn, tối thiểu bao gồm:
1	Máy chính kèm xe đẩy đồng bộ: 01 Máy
2	Đầu dò Convex đa tần siêu âm tổng quát: 01 Cái
3	Đầu dò Linear đa tần siêu âm mạch máu: 01 Cái
4	Bộ phần mềm siêu âm gồm:
4.1	Phần mềm siêu âm tổng quát: 01 Bộ
4.2	Phần mềm hỗ trợ siêu âm mạch máu: 01 Bộ
4.3	Phần mềm hỗ trợ kết nối mạng DICOM: 01 Bộ
5	Máy in nhiệt đen trắng: 01 Cái
6	Bộ máy tính + Phần mềm trả kết quả: 01 Bộ
7	Máy in phun màu A4: 01 Cái
8	Bộ lưu điện UPS online: 01 Bộ
9	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ
III	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT
1	Máy chính:
	Thiết kế đồng bộ trên xe đẩy, bánh xe có khóa
	Số cổng đầu dò: ≥ 03 cổng
	Số kênh xử lý: $\geq 4.120.000$ kênh
	Dải động hệ thống: ≥ 280 dB

	Độ sâu thăm khám tối đa: ≥ 35 cm
	Thang xám: ≥ 256 mức
	Hỗ trợ tần số thăm khám tối đa ≥ 20 MHz
	Tốc độ thu hình đen trắng : ≥ 1900 hình/giây
	Phím tự động tối ưu hóa thông số ảnh siêu âm: Có
2	Màn hình hiển thị:
	Màn hình LCD hoặc tương đương, kích thước ≥ 21.5 inches
	Góc quan sát : $\geq 178^\circ$
	Màn hình điều chỉnh gấp, ngửa, xoay phải, xoay trái
3	Bảng điều khiển và giao diện với người sử dụng:
	Màn hình điều khiển cảm ứng , kích thước ≥ 12 inch
4	Đầu dò:
4.1	Đầu dò Convex đa tần siêu âm tổng quát
	Ứng dụng: siêu âm bụng tổng quát, phụ khoa hoặc nhiều hơn
	Dải tần số: $\leq 2 - \geq 4.9$ MHz
	Số chấn tử: ≥ 128
	Góc quét: ≥ 68 độ
	Có khả năng hướng dẫn sinh thiết
4.2	Đầu dò Linear đa tần siêu âm mạch máu
	Ứng dụng: siêu âm mạch máu, bộ phận nhỏ hoặc nhiều hơn
	Dải tần số: $\leq 5 - \geq 12$ MHz
	Số chấn tử: ≥ 128
	Khẩu độ: ≥ 46 mm
	Có khả năng hướng dẫn sinh thiết
5	Phần mềm thăm khám
5.1	Các phần mềm thăm khám
	Bụng tổng quát
	Mạch máu
	Mô mềm
	Cơ xương khớp
	Sản khoa
	Phụ khoa
5.2	Phần mềm siêu âm mạch máu
	Đo đạc và phân tích động mạch cảnh trái, phải

	Tỉ lệ ICA/CCA
	Đo đạc và phân tích động mạch, tĩnh mạch
5.3	Phần mềm siêu âm phân tích sản khoa, phụ khoa
	Các phép đo sản khoa
	Đo thể tích tử cung, thể tích buồng trứng
	Hỗ trợ đo ≥ 10 nang trứng
6	Các tính năng đo đạc
	Ảnh 2D: Khoảng cách, diện tích, chu vi, thể tích, góc
	Phân tích Doppler: Các giá trị Doppler bao gồm chỉ số PI, RI, S/D...
	Tự động tính toán các thông số Doppler thời gian thực
	M-mode khoảng cách
	Đo thời gian/ độ dốc trong chế độ Doppler và M
7	Các chế độ hoạt động và hiển thị ảnh:
	Chế độ 2D
	Chế độ M-mode
	Chế độ M-mode giải phẫu
	Chế độ tạo ảnh hòa âm mô
	Chế độ tạo ảnh đồng thời 2D/ M-mode
	Chế độ Doppler màu
	Chế độ Doppler năng lượng
	Chế độ Doppler xung (PW)
	Chế độ Doppler liên tục (CW)
	Chế độ hiển thị Duplex
	Chế độ hiển thị Triplex
	Phóng đại/thu nhỏ/xoay hình ảnh
8	Các tính năng B-Mode (2D)
	Khả năng xoay ảnh trái/phải, trên/dưới
	Phóng đại hình
	Có thể điều chỉnh độ khuếch đại (gain)
	Vùng tiêu cự: ≥ 8
	Bản đồ thang xám
	Tạo ảnh màu với nhiều bản đồ màu
	Tốc độ thu hình: ≥ 1900 hình/giây
	Tối ưu hóa hình ảnh mô

9	Các tính năng M-mode:
	Có thể lựa chọn tốc độ quét
	Có thể lựa chọn bản đồ màu
	Có thể lựa chọn định dạng hình ảnh
10	Các tính năng Doppler
10.1	Doppler màu
	Vị trí đường nền: ≥ 13 mức
	Tần số lặp xung PRF tối đa: ≥ 25 KHz
	Có thể lựa chọn bản đồ màu
	Có thể lựa chọn lọc vách
10.2	Doppler năng lượng
	Có thể lựa chọn lọc vách
	Có thể lựa chọn làm mịn
	Tần số lặp xung PRF tối đa: ≥ 25 KHz
10.3	Doppler xung
	Có thể lựa chọn bản đồ màu
	Tốc độ quét: ≥ 5 mức
	Điều chỉnh kích thước cửa sổ lấy mẫu: từ ≤ 1.0 đến ≥ 20 mm
	Vị trí đường nền: ≥ 9 mức
	Tần số lặp xung PRF tối đa cho PW: ≥ 34 KHz
	Tần số lặp xung PRF tối đa cho CW: ≥ 34 KHz
11	Bộ nhớ ảnh Cine
	Cung cấp khả năng xem lại dữ liệu thu được theo thời gian thực
12	Lưu trữ dữ liệu và khả năng ghép nối
	Dung lượng lưu trữ: ≥ 500 GB
	Có cổng USB
	Có thể kết nối mạng không dây, mạng có dây, DICOM
	Có cổng HDMI hoặc S-video hoặc DVI
13	Máy in nhiệt đen trắng
	Chế độ: in nhiệt hoặc tương đương
	Tốc độ in: ≥ 30 trang/phút
14	Bộ máy tính
	CPU: Core i5 hoặc cao hơn
	RAM: ≥ 4 GB